

TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA TRỌNG TÀI VIÊN DƯỚI GÓC NHÌN SO SÁNH PHÁP LUẬT VIỆT NAM VÀ CỘNG HÒA PHÁP

LÊ THỊ THU HẠNH

Nghiên cứu sinh, Trường Đại học Ngoại thương

PhD student, Foreign Trade University

Email: hanhlethu3377@gmail.com

NGÔ QUỐC CHIẾN

Khoa Luật, Trường Đại học Ngoại thương

Faculty of Law, Foreign Trade University

Email: ngoquocchien@ftu.edu.vn

Tóm tắt

Trọng tài viên đóng vai trò then chốt trong hệ thống trọng tài, nhưng các quy định của pháp luật Việt Nam về nghĩa vụ và trách nhiệm của trọng tài viên còn chưa thực sự rõ ràng. Câu hỏi đặt ra là: Liệu trọng tài viên có phải chịu trách nhiệm đối với những sai sót của mình không, và nếu có, thì đó là các loại trách nhiệm gì? Bài viết này tìm cách trả lời các câu hỏi trên thông qua việc so sánh pháp luật Việt Nam với pháp luật Pháp để đưa ra các gợi ý cho Việt Nam trong quá trình hoàn thiện pháp luật trọng tài.

Từ khóa: trọng tài thương mại, trách nhiệm của trọng tài viên, Việt Nam, Pháp.

Từ khóa: trọng tài thương mại, trách nhiệm của trọng tài viên, Việt Nam, Pháp

Abstract

Arbitrators play a crucial role in the arbitration system, yet Vietnamese law remains unclear regarding their obligations and liabilities. The key question in this research is whether arbitrators are held accountable for their errors, and if so, what types of liability they may face. This article seeks to address these questions by comparing Vietnamese law with French law, offering recommendations for improving Vietnam's arbitration legal framework.

Keywords: commercial arbitration, liability of arbitrator, Vietnam, French

DOI: <https://doi.org/10.70236/tckhplvn.242>

Ngày nhận bài: 17/6/2024

Ngày duyệt đăng: 15/01/2025

Trọng tài thương mại hay trọng tài (TT) là một phương thức giải quyết tranh chấp ngày càng phổ biến trên thế giới do các ưu điểm vượt trội như thủ tục linh hoạt, không công khai, thời gian giải quyết nhanh chóng, phán quyết có giá trị chung thẩm.¹ Ở Việt Nam, với những ưu điểm có thể mang lại cho các bên tranh chấp như vậy, TT được kỳ vọng trở thành một phương thức giải quyết tranh chấp thay thế góp phần làm giảm tải cho hệ thống tòa án quốc gia.² Để đạt được điều này, một mặt “cần có một khung pháp lý ủng hộ TT mạnh mẽ”³

1 Nigel Blackaby, Constantine Partasides QC and Alan Redfern, Martin Hunter, *Trọng tài quốc tế (bản dịch ra tiếng Việt)*, Nxb. Thanh niên, 2018, tr. 39 – 43.

2 Đỗ Văn Đại, *Phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb. Hồng Đức, 2022; Son Pan Do, Tran Minh Quy, “Analysis of the Recent Commercial Arbitration Development Plan of the Korean Government – Some Suggestions for Vietnam's Arbitration Law and Policy”, *Vietnamese Journal of Legal Sciences*, Vol. 1(4), 2021, tr. 65–87, <https://doi.org/10.2478/vjls-2021-0009>.

3 Đỗ Văn Đại, *tlđđ*, tr. 15.

và mặt khác, khung pháp lý đó phải đảm bảo tính khả đoán và an toàn pháp lý cho không chỉ các bên tranh chấp, mà cả trọng tài viên (TTV) và Trung tâm TT.

Tuy nhiên, khung pháp lý về TT của Việt Nam được xây dựng từ hơn hai thập kỷ “có nhiều điểm chưa thuyết phục, không tạo điều kiện cho TT phát triển”.⁴ Pháp lệnh trọng tài thương mại ra đời trong bối cảnh Việt Nam chưa có nhiều kinh nghiệm hội nhập quốc tế, nên còn khá sơ sài. Dù sau đó Pháp lệnh đã được sửa đổi và nâng tầm thành Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và bản thân Luật này được làm rõ hơn bởi Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP Hướng dẫn thi hành một số quy định Luật trọng tài thương mại (Nghị quyết số 01/2014), pháp luật về TT của Việt Nam vẫn chưa đưng khá nhiều bất cập và vẫn còn khá nhiều khoảng trống pháp lý,⁵ mà một trong số đó là trách nhiệm của TTV.

Với vai trò của một người xét xử tranh chấp, TTV phải thỏa mãn các điều kiện và nghĩa vụ luật định. Câu hỏi đầu tiên cần được đặt ra là: TTV có phải chịu trách nhiệm nếu vi phạm các điều kiện và nghĩa vụ luật định đó? Bên cạnh đó, TT vừa mang tính chất tài phán vừa mang tính chất hợp đồng, nên câu hỏi thứ hai cần đặt ra là: TTV có phải chịu trách nhiệm đối với các bên khi vi phạm thỏa thuận TT? Nếu câu trả lời cho hai câu hỏi trên là “có”, thì một câu hỏi thứ ba cần được đặt ra là: Trách nhiệm của TTV là các loại trách nhiệm gì: trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm hình sự?

Để giải đáp các vấn đề trên, nhóm tác giả sẽ sử dụng phương pháp so sánh luật học (pháp luật Việt Nam với pháp luật Pháp) nhằm trước hết làm rõ các quy định về tiêu chuẩn và nghĩa vụ của TTV, sau đó phân tích các loại trách nhiệm của TTV và cuối cùng rút ra kinh nghiệm cho Việt Nam.

1. Tiêu chuẩn và nghĩa vụ của trọng tài viên

1.1. Tiêu chuẩn và nghĩa vụ của trọng tài viên theo pháp luật Việt Nam

Với vai trò của một người giải quyết tranh chấp, TTV phải thỏa mãn các điều kiện và nghĩa vụ luật định.

Theo Điều 20 Luật TTTM năm 2010, khoản 1 người có thể trở thành TTV phải: (a) có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015; (b) có trình độ đại học và đã qua thực tế công tác theo ngành đã học từ 5 năm trở lên; (b) trong trường hợp đặc biệt, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao và có nhiều kinh nghiệm

4 Đỗ Văn Đại, *tlđd*, tr. 16.

5 Trần Việt Dũng, Ngô Quốc Chiến (đồng chủ biên), *Trọng tài thương mại quốc tế - Những vấn đề đương đại và thực tiễn Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2023.

thực tiễn, tuy không đáp ứng được yêu cầu nêu tại điểm b khoản này, cũng có thể được chọn làm TTV.

Bên cạnh những yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm chuyên môn như trên, người muốn trở thành TTV còn không được kiêm nhiệm một số vị trí công việc khác, như thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, chấp hành viên, công chức thuộc Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra, Cơ quan thi hành án. Ngoài ra, những người đang là bị can, bị cáo, người đang chấp hành án hình sự hoặc đã chấp hành xong bản án nhưng chưa được xóa án tích thì cũng không thể trở thành TTV (khoản 2 Điều 20 Luật TTTM năm 2010).

Các tiêu chuẩn trên chỉ là các tiêu chuẩn tối thiểu và các “Trung tâm TT có thể quy định thêm các tiêu chuẩn cao hơn tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này đối với TTV của tổ chức mình” (khoản 3 Điều 20 Luật TTTM năm 2010).

Bên cạnh các tiêu chuẩn luật định này, các bên cũng có thể thỏa thuận chi tiết hoặc cao hơn về các tiêu chuẩn của TTV. Thông thường, các trung tâm TT sẽ có quy định về quyền của các bên định ra các tiêu chuẩn của TTV mà họ muốn chọn vào Hội đồng trọng tài (HĐTT) để giải quyết tranh chấp của họ. Một số trung tâm TT không quy định minh thị, nhưng vẫn thừa nhận quyền này của các bên. Ví dụ, theo khoản 3 Điều 16 Quy tắc tố tụng TT của Trung tâm TT quốc tế Việt Nam, “Người được chọn hoặc được chỉ định làm TTV không được làm TTV trong các trường hợp sau: đ) Không đáp ứng tiêu chuẩn cụ thể mà các bên đã thỏa thuận”. Điều này có nghĩa là các bên được quy định cụ thể về các tiêu chuẩn mà TTV phải đáp ứng, ví dụ như về trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tiễn trong một lĩnh vực nhất định.

Bên cạnh các tiêu chuẩn để có thể trở thành TTV, thì TTV khi được lựa chọn còn phải tuân thủ các nghĩa vụ trong quá trình tố tụng TT, từ khi HĐTT được thành lập cho tới khi phán quyết cuối cùng được tuyên. Luật TTTM năm 2010 có hai điều luật quy định về các nghĩa vụ của TTV. Cụ thể, Điều 4 quy định về các nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng TT giúp chúng ta có thể suy ra nghĩa vụ của TTV. Tiêu biểu, “TTV phải tôn trọng thỏa thuận của các bên [...] (khoản 1)”. Nghĩa vụ này của TTV phản ánh rõ tính chất hợp đồng của TT, theo đó thẩm quyền của TT được hình thành từ ý chí của các bên (thông qua thỏa thuận TT) và bị giới hạn ở ý chí của các bên. Ngoài ra, “TTV phải độc lập, khách quan, vô tư và tuân theo quy định của pháp luật” (khoản 2) và “các bên tranh chấp đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ. HĐTT có trách nhiệm tạo điều kiện để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình”. Hai nghĩa vụ này thể hiện rõ tính chất tài phán được Nhà nước

trao cho TT. Nói cách khác, TTV là các thể nhân, không có quyền tài phán, nhưng được Nhà nước trao quyền xét xử.

Các nghĩa vụ của TTV sau đó được nhắc lại và mở rộng thêm tại Điều 21 Luật TTTM năm 2010, theo đó TTV phải: “Độc lập trong việc giải quyết tranh chấp” (khoản 2); “Giữ bí mật nội dung vụ tranh chấp mà mình giải quyết, trừ trường hợp phải cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật” (khoản 5); “Bảo đảm giải quyết tranh chấp vô tư, nhanh chóng, kịp thời” (khoản 6) và “Tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp” (khoản 7). Ngoài ra, theo Điều 42 Luật TTTM năm 2010, “TTV phải từ chối giải quyết tranh chấp, các bên có quyền yêu cầu thay đổi TTV giải quyết tranh chấp trong các trường hợp sau đây: a) TTV là người thân thích hoặc là người đại diện của một bên; b) TTV có lợi ích liên quan trong vụ tranh chấp; c) Có căn cứ rõ ràng cho thấy TTV không vô tư, khách quan; d) Đã là hòa giải viên, người đại diện, luật sư của bất cứ bên nào trước khi đưa vụ tranh chấp đó ra giải quyết tại TT, trừ trường hợp được các bên chấp thuận bằng văn bản (khoản 1). Bên cạnh đó, “kể từ khi được chọn hoặc được chỉ định, TTV phải thông báo bằng văn bản cho Trung tâm TT hoặc HĐTT và các bên về những tình tiết có thể ảnh hưởng đến tính khách quan, vô tư của mình” (khoản 2).

Cũng giống như đối với tiêu chuẩn TTV, các bên cũng có thể thỏa thuận quy định chi tiết hơn về nghĩa vụ của TTV. Thông thường quy tắc tổ tụng của các trung tâm TT sẽ quy định về khả năng các bên được thỏa thuận chi tiết về nghĩa vụ của TTV và của HĐTT.

1.2. Tiêu chuẩn và nghĩa vụ của trọng tài viên theo pháp luật Pháp

Ở Pháp, các quy định về TT được pháp điển hóa vào các điều từ 1442 đến 1527 của Bộ luật Tổ tụng dân sự (BLTTDS) và chia làm hai phần, Phần I Quy định về TT trong nước và Phần II Quy định về TT quốc tế.

Tiêu chuẩn của TTV được quy định tại chương 2 về “Hội đồng⁶ TT” (các điều từ 1450 đến 1461) thuộc phần I, theo đó TTV phải là thể nhân có năng lực hành vi đầy đủ; trường hợp các bên trong thỏa thuận TT chỉ định một pháp nhân, thì pháp nhân này chỉ được quyền tổ chức tổ tụng TT (chú không được xét xử) (Điều 1450).

Pháp luật Pháp không đặt ra các tiêu chuẩn về bằng cấp hay năng lực đặc biệt nào đối với thể nhân để có thể trở thành TTV như pháp luật Việt Nam.

6 Pháp luật Pháp sử dụng khái niệm “Tòa trọng tài” (*tribunal arbitral*). Khái niệm này hoàn toàn tương đương với khái niệm “hội đồng trọng tài” trong pháp luật Việt Nam. Vì vậy, trong bài viết này chúng tôi cũng sử dụng khái niệm “hội đồng trọng tài” để người đọc tiếng Việt không bị sao nhãng vì vấn đề thuật ngữ.

Nghĩa vụ đầu tiên mà TTV phải tuân thủ, đó là “trước khi nhận nhiệm vụ TTV, TTV phải thông báo về mọi hoàn cảnh có thể ảnh hưởng đến sự độc lập hoặc khách quan của mình. TTV cũng phải tiết lộ ngay mọi hoàn cảnh tương tự có thể phát sinh sau khi chấp nhận là TTV” (đoạn 2 Điều 1456 của BLTTDS Pháp). Như vậy, nghĩa vụ này chỉ ràng buộc TTV khi TTV được lựa chọn (bởi các bên hoặc bởi trung tâm TT hoặc bởi Tòa án trong trường hợp bị đơn không chọn TTV cho mình) và TTV chấp nhận sự lựa chọn hoặc chỉ định đó. Nói cách khác nghĩa vụ này chỉ thực sự phát sinh nếu TTV chấp nhận là TTV để xét xử một vụ tranh chấp cụ thể. Nghĩa vụ này sẽ tiếp tục tồn tại trong suốt quá trình TTV đó xét xử vụ tranh chấp.

Trong trường hợp TTV thông báo về các tình tiết có thể ảnh hưởng đến sự độc lập hoặc khách quan của mình và việc này gây tranh chấp (chẳng hạn một bên vẫn muốn giữ TTV đó trong khi bên còn lại muốn thay thế TTV đó) thì vấn đề này sẽ được giải quyết bởi “người phụ trách việc tổ chức TT hoặc nếu không có người này thì bởi thẩm phán hỗ trợ trong vòng một tháng kể từ thời điểm thông báo hoặc phát hiện ra sự kiện gây tranh chấp” (đoạn 3 Điều 1456 của BLTTDS Pháp).

Theo Điều 1457 của BLTTDS Pháp, TTV phải thực hiện nhiệm vụ của mình cho tới khi kết thúc tố tụng TT trừ trường hợp chứng minh được có trở ngại hoặc một lý do chính đáng để vắng mặt hoặc từ nhiệm. Trường hợp có tranh chấp về lý do mà TTV viện dẫn (cho sự vắng mặt hoặc từ nhiệm), thì vấn đề được giải quyết bởi người phụ trách tổ chức TT, hoặc nếu không có người này, thì bởi thẩm phán hỗ trợ TT trong vòng một tháng xảy ra trở ngại, vắng mặt hoặc từ nhiệm.

Ngoài ra, pháp luật của Pháp còn quy định rằng tất cả các quy định ở trên (tức là các điều từ 1450 đến 1461 của BLTTDS Pháp) là các quy phạm bắt buộc mà các bên không thể thỏa thuận khác, chỉ trừ đoạn đầu tiên của Điều 1456 của BLTTDS Pháp. Mọi thỏa thuận khác đều sẽ bị vô hiệu (Điều 1461 của BLTTDS Pháp).

Điều 1457 của BLTTDS Pháp sau đó còn được làm rõ hơn bởi Điều 1463, theo đó, “nếu thỏa thuận TT không ấn định thời hạn, thì thời hạn đối với nhiệm vụ của HĐTT là sáu tháng kể từ ngày thụ lý”. Như vậy, nếu các bên không quy định về thời hạn cho việc giải quyết tranh chấp thì TT có nghĩa vụ giải quyết xong tranh chấp trong vòng 6 tháng. Quy định này đảm bảo tính nhanh chóng của TT. Tuy nhiên, nếu vụ tranh chấp phức tạp mà không thể giải quyết được trong thời hạn mà các bên ấn định hoặc thời hạn luật định 6 tháng, thì “thời hạn luật định hoặc thời hạn do các bên có thể thỏa thuận có thể được kéo dài theo thỏa thuận của các bên, nếu không, sẽ theo quyết định của thẩm phán hỗ trợ TT”.

2. Trách nhiệm của trọng tài viên

Các phân tích ở trên cho thấy TTV phải tuân thủ các nghĩa vụ luật định cũng như các nghĩa vụ hợp đồng (mà các bên tranh chấp thỏa thuận và TTV chấp nhận). Trách nhiệm của TTV có thể phát sinh từ sự vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc nghĩa vụ luật định hoặc vi phạm điều cấm của luật. Tùy vào sự vi phạm và mức độ vi phạm mà trách nhiệm của TTV có thể là trách nhiệm dân sự (hợp đồng hoặc ngoài hợp đồng), trách nhiệm hành chính, hoặc trách nhiệm hình sự. Do khuôn khổ bài viết có hạn, trong phần này chúng tôi sẽ chỉ nghiên cứu trách nhiệm dân sự của TTV.⁷

2.1. Trách nhiệm dân sự của trọng tài viên theo pháp luật Việt Nam

2.1.1. Sự chưa rõ ràng của pháp luật Việt Nam

Sau khi có quy định về các tiêu chuẩn và nghĩa vụ của TTV như chúng tôi đã phân tích ở trên, Luật TTTM năm 2010 có quy định về các hệ quả pháp lý đối với sự vi phạm các tiêu chuẩn và nghĩa vụ này.

Hệ quả đầu tiên của sự vi phạm nghĩa vụ liên quan đến TTV và HĐTT. Cụ thể, theo Điều 42 Luật TTTM năm 2010, các bên có quyền yêu cầu thay đổi TTV giải quyết tranh chấp nếu: “TTV là người thân thích hoặc là người đại diện của một bên; TTV có lợi ích liên quan trong vụ tranh chấp; Có căn cứ rõ ràng cho thấy TTV không vô tư, khách quan; đã là hòa giải viên, người đại diện, luật sư của bất cứ bên nào trước khi đưa vụ tranh chấp đó ra giải quyết tại TT, trừ trường hợp được các bên chấp thuận bằng văn bản” (khoản 1). Các khoản tiếp theo quy định về hướng xử lý đối với trường hợp thay đổi TTV, tranh chấp liên quan đến thay đổi TTV và thẩm quyền cũng như giá trị của quyết định giải quyết tranh chấp về thay đổi TTV... Tuy nhiên, không có một điều luật nào quy định về trách nhiệm cá nhân của TTV (hoặc của Trung tâm TT) đối với sự vi phạm các nghĩa vụ trên.

Hệ quả thứ hai của sự vi phạm liên quan đến phán quyết TT. Cụ thể, theo Điều 68 Luật TTTM năm 2010, phán quyết TT sẽ bị hủy, nếu “TTV nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác của một bên tranh chấp làm ảnh hưởng đến tính khách quan, công bằng của phán quyết TT” (điểm d, khoản 2 Điều 68). Như vậy, nếu TTV vi phạm nghĩa vụ “độc lập trong giải quyết tranh chấp” hoặc “bảo đảm giải quyết tranh chấp vô tư” thì phán quyết của TT sẽ bị hủy.

Tuy nhiên, cần phải thấy rằng hai hệ quả trên chỉ liên quan đến tư cách thành viên của TTV trong HĐTT và đến phán quyết của TT.

⁷ Về trách nhiệm hành chính và hình sự của TTV, xem thêm: Ngô Quốc Chiến, Lê Thị Thu Hạnh, “Trách nhiệm của trọng tài viên dưới góc nhìn so sánh pháp luật và gợi ý cho Việt Nam”, trong Hội thảo quốc gia: *Hoàn thiện pháp luật về trọng tài thương mại đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển*, Đại học Đà Nẵng, tháng 9/2024.

Luật TTTM năm 2010 không có quy định về chế tài đối với cá nhân TTV vi phạm. Ngoài ra, quy định không làm rõ hậu quả đối với cá nhân TTV sẽ là gì nếu TTV không đủ tiêu chuẩn hoặc vi phạm các nghĩa vụ như “giữ bí mật nội dung tranh chấp” hoặc “bảo đảm giải quyết tranh chấp... nhanh chóng, kịp thời” hoặc “tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp”. Nghị quyết số 01/2014 cũng chỉ đưa ra các hướng dẫn làm rõ hơn hậu quả của sự vi phạm nghĩa vụ của TTV đối với phán quyết TT, chứ không quy định về trách nhiệm của TTV khi vi phạm tiêu chuẩn và nghĩa vụ của mình.

Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tố tụng tư pháp; hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã (từ nay viết gọn là Nghị định số 82) có quy định về mức xử phạt hành chính đối với TTV vi phạm. Cụ thể, theo Điều 4 và Điều 27 Nghị định số 82, TTV có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Giải quyết tranh chấp trong trường hợp TTV là người thân thích hoặc là người đại diện của một bên trong vụ tranh chấp; giải quyết tranh chấp trong trường hợp TTV có lợi ích liên quan trong vụ tranh chấp; giải quyết tranh chấp trong trường hợp TTV đã là hòa giải viên, người đại diện, luật sư của một trong các bên trước khi đưa vụ tranh chấp đó ra giải quyết tại TT, trừ trường hợp được các bên chấp thuận bằng văn bản; giải quyết tranh chấp khi có căn cứ rõ ràng cho thấy TTV không vô tư, khách quan.

TTV có thể sẽ bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: tiết lộ bí mật nội dung vụ tranh chấp mà mình giải quyết, trừ trường hợp phải cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; hoạt động TT thương mại mà không đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm TTV.

Ngoài ra, TTV vi phạm còn có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục như: buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

Cần phải lưu ý rằng trách nhiệm nêu trên là trách nhiệm hành chính mà mục đích chính là răn đe và trừng phạt TTV có vi phạm, chứ không có mục đích để bù đắp cho các nạn nhân (các bên tranh chấp) của sự vi phạm đó.

Như vậy, có thể thấy pháp luật Việt Nam mới chỉ quy định về hệ quả pháp lý của sự vi phạm nghĩa vụ của TTV đối với tố tụng TT và đối với phán quyết TT, và chế tài hành chính đối với TTV, chứ chưa có quy định minh thị về trách nhiệm dân sự của cá nhân của TTV đối với các bên hoặc đối với người thứ ba và trách nhiệm hình sự. Việc quy

trách nhiệm dân sự cho TTV vì thế sẽ phải dựa vào các quy định chung của BLDS năm 2015.

Hiện nay chúng tôi chưa thấy có TTV nào bị quy trách nhiệm hành chính và hình sự, nhưng đã xuất hiện các yêu cầu TTV và Trung tâm TT bồi thường thiệt hại. Thực tiễn xét xử cho thấy các khó khăn trong việc xác định chủ thể bị khởi kiện (HĐTT, hay cá nhân TTV, hay Trung tâm TT) và loại trách nhiệm dân sự (trách nhiệm hợp đồng hay trách nhiệm ngoài hợp đồng) mà các chủ thể đó sẽ phải chịu. Hai vụ việc được phân tích ở dưới đây cho thấy điều này.

2.1.2. Thực tiễn xét xử

Trong vụ việc thứ nhất, nguyên đơn khởi kiện HĐTT và 2 trong số 3 TTV của HĐTT đó vì đã áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời (BPKCTT) không đúng.

Trong phiên tòa sơ thẩm, TAND TP Hà Nội⁸ đã nhận định rằng quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của HĐTT là không đúng với các quy định của Điều 49 Luật TTTM năm 2010, tuy nhiên yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận vì “nguyên đơn không xuất trình chứng cứ để chứng minh cho những thiệt hại thực tế xảy ra do áp dụng BPKCTT, hơn nữa quyết định áp dụng BPKCTT này cả hai bên đều xác nhận là chưa được thực hiện trên thực tế, như vậy không có mối quan hệ nhân quả nào từ việc áp dụng BPKCTT gây ra thiệt hại trên thực tế”. Từ đây, có thể suy ra rằng nếu nguyên đơn chứng minh được mình đã phải chịu thiệt hại thực tế, thì các TTV sẽ phải chịu trách nhiệm dân sự về bồi thường thiệt hại. Tuy vậy, không rõ đây là trách nhiệm dân sự ngoài hợp đồng hay trách nhiệm dân sự theo hợp đồng, bởi Tòa án không trích dẫn bất kỳ điều luật nào trong BLDS làm căn cứ. Ngoài ra, cũng không rõ trách nhiệm này là trách nhiệm liên đới hay trách nhiệm riêng rẽ (và vì vậy sẽ loại trừ trách nhiệm đối với TTV đã không đồng ý với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của HĐTT).

Trong vụ việc thứ hai, nguyên đơn khởi kiện Trung tâm TT vì đã bị thiệt hại từ phán quyết trọng tài không đúng pháp luật. Cụ thể, Công ty TNHH quốc tế Lộc Phát (nguyên đơn) trước đó có tranh chấp với Công ty Vật tư hàng hải H.P.C liên quan đến quản lý và khai thác con tàu Lộc Phát Fortune. Tranh chấp đã được giải quyết bởi Phán quyết trọng tài số 82/17/HCM ngày 29/7/2017 của Hội đồng trọng tài (HĐTT) thuộc Trung tâm TT quốc tế Việt Nam (*Vietnam International arbitration Center, VIAC*). Công ty TNHH quốc tế Lộc Phát không đồng tình với phán quyết này nên đã yêu cầu hủy phán quyết và yêu cầu này đã được Tòa án

8 Bản án số 29/2018/KDTM-ST ngày 17/9/2018 của Tòa án nhân dân TP. Hà Nội.

nhân dân TP Hồ Chí Minh chấp nhận.⁹ Sau đó, Công ty TNHH quốc tế Lộc Phát đã khởi kiện VIAC ra tòa đòi bồi thường 3.241.347.365 đồng vì “đã bị thiệt hại từ phán quyết TT không đúng quy định của pháp luật”. Tòa sơ thẩm¹⁰ đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn bồi thường cho nguyên đơn 1.331.272.000 đồng. Sau đó, bị đơn đã kháng cáo phúc thẩm và Tòa phúc thẩm đã nhận định rằng “Luật TTTM chỉ quy định TT phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp HĐTT áp dụng khác hoặc vượt quá yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại khoản 5 Điều 49 Luật TTTM. Trong vụ án này, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý vụ án giữa nguyên đơn là một doanh nghiệp và bị đơn là một Trung tâm TT thương mại, xác định quan hệ tranh chấp là đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là không đúng tinh thần quy định của Bộ luật Dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và tinh thần quy định của Luật TTTM”.¹¹

Nhận định trên của Tòa phúc thẩm có ba điểm đáng lưu ý:

Thứ nhất, “Luật TTTM chỉ quy định TT phải bồi thường thiệt hại trong trường hợp HĐTT áp dụng khác hoặc vượt quá yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định tại khoản 5 Điều 49 Luật TTTM”. Nếu hiểu như vậy thì TTV chỉ có thể bị quy trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong tình huống trên. Theo nhóm tác giả, nhận định này không thuyết phục, bởi vì đây chỉ là một quy định chuyên biệt dẫn tới trách nhiệm của TTV. Bên cạnh quy định chuyên biệt đó thì còn có quy định chung mà dựa vào đó có thể quy trách nhiệm cho TTV, chẳng hạn khi TTV vi phạm các tiêu chuẩn và nghĩa vụ luật định, dựa trên các nguyên tắc chung về trách nhiệm dân sự.

Thứ hai, “trong vụ án này, Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý vụ án giữa nguyên đơn là một doanh nghiệp và bị đơn là một Trung tâm TT thương mại (...) là không đúng tinh thần quy định của Luật TTTM”.¹² Rất tiếc, Tòa án đã không nêu rõ việc thụ lý như vậy đã không đúng với tinh thần của quy định cụ thể nào của Luật TTTM năm 2010. Theo Tòa phúc thẩm, Trung tâm TT không là chủ thể chịu trách nhiệm từ phán quyết bị hủy. Từ đây, liệu có thể suy ra rằng, trách nhiệm (nếu có) sẽ chỉ thuộc về HĐTT và các TTV trong HĐTT đó? Một suy luận như vậy theo chúng tôi là chưa phù hợp với tinh thần của chế định về trách nhiệm dân sự, theo đó ai có hành vi gây thiệt hại thì phải bồi thường (Điều 584 BLDS năm 2015). Theo quy định chung này

9 Quyết định số 1420/2019/QĐ- PQT của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

10 Bản án số 111/2023/KDTM- ST ngày 27 và 28/9/2023, của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

11 Bản án số 06/2024/KDTM-PT ngày 11/1/2024 của Tòa án nhân dân TP. Hà Nội.

12 Bản án số 06/2024/KDTM-PT ngày 11/1/2024 của Tòa án nhân dân TP. Hà Nội.

thì để xác định Trung tâm TT có trách nhiệm bồi thường hay không phải xem xét mức độ đóng góp của Trung tâm TT vào sai sót của HĐTT dẫn đến phán quyết TT bị hủy (mà nguyên đơn căn cứ để đòi bồi thường thiệt hại).

Thứ ba, “(...) xác định quan hệ tranh chấp là đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là không đúng tinh thần quy định của Bộ luật Dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.¹³ Tòa phúc thẩm cũng không nêu rõ việc xác định quan hệ tranh chấp là đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là không đúng với tinh thần của quy định cụ thể nào của BLDS năm 2015. Từ kết luận này của Tòa phúc thẩm, có thể suy ra rằng đây không phải là tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, và như vậy đó là tranh chấp về bồi thường thiệt hại hợp đồng?

Vì sau đó nguyên đơn đã rút lại các yêu cầu khởi kiện, nên Tòa phúc thẩm đã không tiếp tục phân xử nội dung tranh chấp, nên chúng ta chưa có câu trả lời cho các câu hỏi và lưu ý ở trên.

2.2. Trách nhiệm của trọng tài viên theo pháp luật Pháp

Ở Pháp, trách nhiệm của TTV có thể là trách nhiệm dân sự hoặc trách nhiệm hình sự tùy thuộc vào loại nghĩa vụ mà TTV vi phạm hoặc tính chất nghiêm trọng của sự vi phạm đó.

Pháp luật TT của Pháp cũng không có quy định chuyên biệt về trách nhiệm của TTV. Ấn lệ đóng vai trò quan trọng và theo Tòa tối cao Pháp, trách nhiệm dân sự của TTV là loại trách nhiệm hợp đồng. Thực tiễn cho thấy, việc TTV vi phạm nghĩa vụ giải quyết tranh chấp nhanh chóng, kịp thời hay được các bên viện dẫn nhất để đòi bồi thường thiệt hại.

Ngay từ năm 1960, Tòa tối cao Pháp đã đặt ra một nguyên tắc chung theo đó, “yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với TTV do vi phạm nhiệm vụ TT của mình phải tuân theo các quy định của luật chung”.¹⁴ “Luật chung” (*droit commun*) mà Tòa tối cao nhắc tới là các quy định về trách nhiệm dân sự trong BLDS, đặc biệt là các quy định về nghĩa vụ hợp đồng, vì bản chất của TT là hợp đồng. Nhưng phải chờ đến đầu thế kỷ XXI thì Tòa tối cao Pháp mới có dịp để làm rõ hơn các tiêu chí xác định trách nhiệm dân sự của TTV thông qua hai bản án năm 2005 và năm 2010 mà chúng tôi sẽ phân tích dưới đây.

Trong bản án ngày 6/12/2005 liên quan đến tranh chấp về xác định giá trong HĐ chuyển nhượng cổ phần,¹⁵ thỏa thuận trọng tài quy

¹³ Như trên.

¹⁴ Tòa dân sự 2 – Tòa Tối cao Pháp, bản án ngày 29/1/1960 (Cass. 2e civ., 29 janvier 1960, *Bull.* II, n° 80).

¹⁵ Tòa dân sự 1-Tòa tối cao pháp ngày 6/12/2005 (Cass. 1ère civ., 6 décembre 2005, n° de pourvoi : 03-13.116, *Bull. civ. I*, n° 462).

định phán quyết phải được tuyên trong thời hạn 4 tháng kể từ ngày chỉ định TTV cuối cùng. Tuy nhiên, phán quyết đã được tuyên muộn hơn so với thỏa thuận. Sau đó phán quyết bị Tòa phúc thẩm Rennes tuyên hủy và bên chuyển nhượng đã khởi kiện yêu cầu ba TTV bồi thường thiệt hại do chênh lệch giá cổ phần. Tòa phúc thẩm Angers được yêu cầu giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại kết luận rằng: “TTV không thể bị quy trách nhiệm chỉ vì sự không tuân thủ thời hạn TT và nguyên đơn có nghĩa vụ chứng minh lỗi cá nhân của các TTV, chẳng hạn như sự thiếu mẫn cán một cách rõ ràng trong tiến hành tố tụng TT”.¹⁶ Tuy nhiên, Tòa tối cao đã hủy bản án của Tòa phúc thẩm Angers, vì “các TTV đã để mặc cho thời hạn TT trôi qua mà không yêu cầu tòa hỗ trợ TT gia hạn thêm một khoảng thời gian [...], các TTV đã vi phạm nghĩa vụ đạt kết quả, và sự vi phạm này đã làm cho phán quyết bị hủy, nên TTV phải chịu trách nhiệm”.

Ở đây, Tòa tối cao đã quy trách nhiệm cho TTV, không phải chỉ đơn thuần vì TTV đã không tuân thủ thời hạn, mà vì TTV đã không yêu cầu gia hạn, điều mà luật cho phép và lẽ ra các TTV phải làm. Điều này có nghĩa là chỉ có thể quy trách nhiệm cho TTV nếu TTV đã không ra phán quyết trong thời hạn và không yêu cầu gia hạn với các lý do chính đáng.

Bản án ngày 17/11/2010¹⁷ liên quan đến một hợp đồng quốc tế về quản lý hệ thống đại lý tại một số cảng biển. Yêu cầu khởi kiện được nộp cho Trung tâm TT đầu năm 2002, nhưng phải đến tháng 8/2002, HĐTT mới được thành lập. HĐTT đã cam kết sẽ tuyên phán quyết trước khi kết thúc năm 2004. Tuy nhiên, sau rất nhiều thay đổi về trọng tài viên, về lịch giải quyết vụ việc và các yêu cầu bổ sung chứng cứ, HĐTT đã không tuyên được phán quyết và bị giải tán bởi chính các bên. Chính bởi vậy, một bên đã khởi kiện yêu cầu các TTV bồi thường thiệt hại, nhưng đã không được chấp nhận. Tòa tối cao Pháp cho rằng: “(...) lịch giải quyết tranh chấp đã được gia hạn nhiều lần vì rất nhiều yếu tố khách quan tác động và vì tính chất phức tạp của tranh chấp, cũng như tính chất đối kháng của các bên tranh chấp nên việc HĐTT phải hoàn tuyên phán quyết không thuộc trách nhiệm của các TTV, và vì HĐTT đã bị chính các bên giải tán nên không thể tuyên phán quyết cuối cùng, nên việc không tuyên phán quyết này không thuộc trách nhiệm của HĐTT”.

Từ các phán quyết này của Tòa tối cao tại Pháp, có thể thấy nghĩa vụ giải quyết nhanh chóng, kịp thời theo thỏa thuận là một loại nghĩa

¹⁶ Tòa phúc thẩm Anger ngày 10/12/2002, (CA Angers, 10 décembre 2002).

¹⁷ Tòa dân sự 1-Tòa tối cao pháp ngày 17/11/2010 (Cass. 1ère civ., 17 novembre 2010, n° de pourvoi: 09-12.352, Bulletin 2010, I, n° 233).

vụ đạt kết quả. Tuy nhiên, nếu do các trở ngại khách quan hoặc vì các tình tiết phức tạp của vụ việc hoặc do thái độ của các bên khiến cho HĐTT không thể tuân thủ đúng thời hạn thì HĐTT có thể yêu cầu gia hạn. TTV sẽ không phải chịu trách nhiệm dù không tuyên phán quyết nhưng đã yêu cầu gia hạn và chứng minh rằng mình đã nỗ lực cao nhất trong việc giải quyết tranh chấp.

3. Kết luận và kiến nghị

Từ các so sánh ở trên, nhóm tác giả rút ra các kết luận và kiến nghị sau:

Thứ nhất, về vị trí và cách thiết kế các điều luật liên quan đến tiêu chuẩn và nghĩa vụ của TTV, ở Việt Nam, các nghĩa vụ của TTV được quy định ở nhiều điều luật khác nhau trong Luật TTTM năm 2010. Quy định như vậy tạo ra sự trùng lặp, rất khó theo dõi và khó hiểu. Cụ thể, việc gộp các quyền và nghĩa vụ vào một điều luật duy nhất (Điều 21 Luật TTTM năm 2010) khiến cho việc phân định đâu là quyền đâu là nghĩa vụ trở nên khó khăn. Ví dụ, khoản 1 quy định TTV “chấp nhận hoặc từ chối giải quyết tranh chấp”. Ở giai đoạn trước khi thành lập HĐTT, một người được lựa chọn (bởi các bên hoặc được chỉ định bởi Trung tâm TT hoặc Tòa án) có thể chấp nhận hoặc từ chối vai trò TTV để xét xử tranh chấp của các bên mà không cần đưa ra bất kỳ lý do nào. Đây là quyền của người có đủ tiêu chuẩn làm TTV. Nhưng khi đã chấp nhận vai trò TTV tham gia một HĐTT, thì TTV có quyền từ chối giải quyết tranh chấp không?

Có hai tình huống có thể xảy ra. Tình huống thứ nhất, TTV đó phát hiện có những xung đột lợi ích với một hoặc các bên trong tranh chấp. Khi đó TTV phải thông báo về xung đột lợi ích đó, thậm chí phải từ chối tiếp tục giải quyết tranh chấp. Trong tình huống này, “từ chối giải quyết tranh chấp” là nghĩa vụ của TTV, chứ không phải là quyền của TTV. Tình huống thứ hai, TTV đơn giản là không muốn tiếp tục giải quyết tranh chấp đó nữa. Nếu hiểu đây là quyền thì TTV không cần giải thích lý do mà chỉ cần thông báo. Tuy nhiên, TTV có nghĩa vụ “bảo đảm giải quyết tranh chấp (...) nhanh chóng, kịp thời”, nên TTV không thể tự ý từ chối giải quyết tranh chấp, bởi nếu làm như vậy thì việc giải quyết tranh chấp đó có thể sẽ bị kéo dài hơn so với nếu TTV đó tiếp tục (vì sẽ phải chỉ định một TTV khác thay thế và việc này tốn thêm thời gian). Như vậy, “từ chối giải quyết tranh chấp” không thể là một quyền của TTV.

Tương tự, khoản 1 Điều 42 Luật TTTM năm 2010 được phân tích ở trên gộp quy định về nghĩa vụ (phải) từ chối giải quyết tranh chấp của TTV với quyền của các bên thay đổi TTV cũng khiến cho việc đọc hiểu điều luật trở nên khó khăn hơn. Cụ thể, về thứ nhất của

khoản 1 quy định TTV *phải* từ chối giải quyết tranh chấp khi có xung đột lợi ích hoặc không vô tư, khách quan, tức là đây là một loại quy phạm mệnh lệnh, bắt buộc, không thể làm khác. Nhưng về thứ hai quy định về “quyền” của các bên được yêu cầu thay đổi trọng tài viên trong các hoàn cảnh đó. Đây là một loại quy định tùy nghi, vì đó là “quyền” của các bên, nên nếu các bên không thực hiện quyền của mình, tức là không yêu cầu thay đổi TTV thì TTV vẫn có thể tiếp tục giải quyết tranh chấp? Nếu hiểu như vậy thì về thứ nhất (phải từ chối) không còn ý nghĩa nữa. Việc gộp hai tính chất mệnh lệnh và tùy nghi vào chung một điều luật chẳng những khiến cho việc đọc hiểu điều luật đó trở nên khó khăn, mà còn có nguy cơ triệt tiêu ý nghĩa của điều luật. Theo nhóm tác giả, lẽ ra khi đã quy định về nghĩa vụ của TTV ở Điều 21 rồi thì đến Điều 42 chỉ quy định về quyền của các bên mà thôi.

Các tiêu chuẩn và nghĩa vụ của TTV được quy định tại Điều 4 (Chương 1 về Những quy định chung) và Điều 20, Điều 21 của Chương III về “TTV”. Vị trí của các điều luật cho chúng ta thấy đây là các tiêu chuẩn và nghĩa vụ tồn tại với mọi TTV nói chung. Trong khi ở Pháp, các tiêu chuẩn và nghĩa vụ của TTV nằm trong Chương 2 về “Hội đồng TT”, tức là nghĩa vụ của TTV không tồn tại một cách chung chung với mọi TTV, mà chỉ tồn tại khi một người được lựa chọn và chấp nhận vai trò TTV giải quyết một tranh chấp cụ thể.

Theo chúng tôi, quy định về tiêu chuẩn của TTV nằm trong nhóm quy định chung về TTV của Việt Nam là hợp lý, vì đây là các tiêu chuẩn mà một người cần phải có để được trở thành TTV (nói chung).

Tuy nhiên, nghĩa vụ của TTV (Điều 21 Luật TTTM năm 2010) không nên được thiết kế là một quy định chung cho mọi TTV (với ý nghĩa là người có thể thực hiện vai trò giải quyết tranh chấp bằng phương thức TT), mà nên gắn với HĐTT (tức là TTV đã được lựa chọn để giải quyết tranh chấp) như ở Pháp thì sẽ hợp lý hơn, bởi vì TTV chỉ phải gánh vác nghĩa vụ khi TTV tham gia giải quyết tranh chấp, chứ không tồn tại một cách chung chung vì TTV không phải là một nghề.

Thứ hai, về các nghĩa vụ của TTV và hệ quả của sự vi phạm, pháp luật Việt Nam và pháp luật Pháp đều quy định TTV phải độc lập, khách quan và miễn cán (xét xử nhanh chóng, kịp thời). So với pháp luật Pháp chỉ dừng lại ở các quy định chung, pháp luật Việt Nam có quy định rõ hơn các tiêu chí để xác định tính độc lập, khách quan của TTV và hệ quả pháp lý của sự vi phạm tại Điều 42 Luật TTTM năm 2010. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam không quy định về thời hạn giải quyết các khiếu nại liên quan đến việc thay đổi TTV. Cụ thể, khoản 4 Điều 42 Luật TTTM năm 2010 chỉ quy định về thời hạn phân công thẩm

phán giải quyết, theo đó: “Đối với vụ tranh chấp do HĐTT vụ việc giải quyết, việc thay đổi TTV sẽ do các thành viên còn lại của HĐTT quyết định. Trong trường hợp các thành viên còn lại của HĐTT không quyết định được hoặc nếu các TTV hay TTV duy nhất từ chối giải quyết tranh chấp, thì trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu của một hoặc các TTV nói trên, của một hoặc các bên tranh chấp, chánh án Tòa án có thẩm quyền phân công một thẩm phán quyết định về việc thay đổi TTV”. Với quy định này, chúng ta chỉ biết về thời hạn phân công thẩm phán giải quyết khiếu nại, còn thời hạn để thẩm phán đó giải quyết khiếu nại thì không được quy định. Như vậy, chúng ta không đoán chắc được khi nào việc giải quyết khiếu nại về thay đổi TTV sẽ có kết quả cuối cùng. Trong khi đó, pháp luật Pháp không quy định về thời hạn để một hoặc các bên nộp đơn khiếu nại mà quy định chung rằng thời hạn cho việc giải quyết khiếu nại là 1 tháng. Quy định thời hạn như vậy là rất cần thiết để đảm bảo tính kịp thời, nhanh chóng của tố tụng TT. Với quy định này, nghĩa vụ đảm bảo giải quyết tranh chấp kịp thời và nhanh chóng của TTV được hỗ trợ bằng thời hạn cụ thể đối với người hỗ trợ TT (Trung tâm TT hoặc thẩm phán).

Thứ ba, về bản chất của nghĩa vụ của trọng tài viên, các nghĩa vụ của TTV là nghĩa vụ đạt được kết quả công việc hay nghĩa vụ cần thực hiện với nỗ lực cao nhất? Việc xác định đúng bản chất của nghĩa vụ có ý nghĩa rất lớn để xác định sự vi phạm hay không vi phạm, từ đó làm căn cứ quy trách nhiệm. Cả pháp luật Việt Nam và pháp luật Pháp đều không có quy định minh thị về bản chất nghĩa vụ của TTV. Cả hai nước đều có quy định TT có nghĩa vụ giải quyết nhanh chóng, kịp thời. Nhưng thế nào là nhanh chóng và kịp thời thì không đưa ra định nghĩa.

Ở Việt Nam, pháp luật dân sự cũng như pháp luật TTTM không có quy định về bản chất nghĩa vụ của TT. Chúng tôi chỉ tìm thấy duy nhất một quy định của Luật Thương mại năm 2005 về “nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ theo nỗ lực và khả năng cao nhất”, theo đó “... nếu tính chất của loại dịch vụ được cung ứng yêu cầu bên cung ứng dịch vụ phải nỗ lực cao nhất để đạt được kết quả mong muốn thì bên cung ứng dịch vụ phải thực hiện nghĩa vụ cung ứng dịch vụ đó với nỗ lực và khả năng cao nhất” (Điều 80). Nếu được áp dụng cho TT, thì quy định này cũng chưa đủ rõ để khẳng định TT có phải thực hiện các nghĩa vụ của mình với một kết quả nhất định không. Ví dụ, các bên trong hợp đồng TT thỏa thuận về thời gian tối đa cho việc giải quyết xong tranh chấp thì TTV sẽ phải giải quyết xong tranh chấp trong thời hạn mà các bên thỏa thuận hay chỉ phải cố gắng cao nhất mà không nhất thiết phải tuyên phán quyết và chấm dứt tố tụng TT trong thời gian đó?

Ở Pháp, pháp luật phân biệt hai loại nghĩa vụ là nghĩa vụ thực hiện với nỗ lực cao nhất (*obligation de moyen*) và nghĩa vụ đạt kết quả (*obligation de résultat*). Đối với nghĩa vụ thực hiện với nỗ lực cao nhất, người có nghĩa vụ phải chứng minh mình đã nỗ lực cao nhất để thực hiện nghĩa vụ đó nhưng không buộc phải đạt được kết quả như đã thỏa thuận với người có quyền. Đối với nghĩa vụ đạt kết quả, người có nghĩa vụ phải đạt được kết quả như đã thỏa thuận với người có quyền, nếu không đạt được kết quả đó thì người có nghĩa vụ đã vi phạm nghĩa vụ và sự vi phạm này sẽ trở thành căn cứ để quy trách nhiệm dân sự. Áp dụng các quy định chung này vào lĩnh vực TT, có tác giả cho rằng chỉ các nghĩa vụ “mà việc thực hiện chúng không phụ thuộc vào các bên tranh chấp”¹⁸ mới có thể được coi là nghĩa vụ đạt kết quả. Ngược lại, các nghĩa vụ mà việc thực hiện cần có sự tham gia của các bên tranh chấp thì chúng sẽ là nghĩa vụ thực hiện với nỗ lực cao nhất.¹⁹

Thứ ba, cả pháp luật Việt Nam và pháp luật Pháp đều không quy định minh thị các loại trách nhiệm đối với sự vi phạm nghĩa vụ của TTV. Tuy nhiên, dựa trên việc phân tích các loại nghĩa vụ của TTV, có thể kết luận rằng tùy vào sự vi phạm loại nghĩa vụ và mức độ vi phạm nghĩa vụ mà trách nhiệm của TTV có thể là trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hành chính hay trách nhiệm hình sự.

Pháp là một nước có hệ thống pháp luật hỗ trợ rất mạnh mẽ cho TT phát triển và Paris là một trong 5 địa điểm TT được lựa chọn nhiều nhất trên thế giới. Trước sự thiếu vắng của luật, thẩm phán đóng vai trò rất quan trọng để bổ khuyết cho luật. Thực tiễn cho thấy thẩm phán Pháp thường đóng vai trò hỗ trợ cho TT hơn là kiểm soát TT. Liên quan đến vấn đề trách nhiệm của TTV, thẩm phán Pháp thường đặt ra các tiêu chí rất nghiêm ngặt, theo đó sự vi phạm phải hiển nhiên, nghiêm trọng và/hoặc cố ý mới dẫn tới trách nhiệm của TTV.

Thứ tư, nhiều nghiên cứu so sánh pháp luật cũng như thực tiễn xét xử ở Pháp cho thấy, vấn đề trách nhiệm của TTV đã trở thành “chuyện thường ngày ở huyện”.²⁰ Hiện nay, theo khảo cứu của chúng tôi, mới chỉ có hai vụ việc về trách nhiệm của TT được Tòa án tại Việt Nam phân xử. Tuy nhiên, khi mà Việt Nam mở cửa ngày càng sâu rộng, các

18 Th. Clay, *L'arbitre*, Dalloz, n° 935, 2001.

19 Tòa dân sự 1-Tòa tối cao pháp ngày 17/11/2010 (Cass. 1ère civ., 17 novembre 2010, n° de pourvoi: 09-12.352, Bulletin 2010, I, n° 233).

20 Ở một số nước, việc một bên không đồng tình với phán quyết khởi kiện chống lại TTV và Trung tâm TT đã trở nên phổ biến. Xem: Jérémy Jourdan-Marques, “Droit de l'arbitrage interne et international: panorama 2020” (Pháp luật trọng tài trong nước và quốc tế: toàn cảnh tranh chấp năm 2020), *Dalloz Actualité*, 2021, <https://www.dalloz-actualite.fr/dossier/droit-de-l-arbitrage-interne-et-international-panorama-2020>, truy cập ngày 27/5/2024.

tranh chấp được giải quyết bằng TT ngày càng nhiều thì vấn đề trách nhiệm của TTV sẽ được đặt ra nhiều hơn. Điều này đòi hỏi Việt Nam phải tham khảo kinh nghiệm của nước ngoài để hoàn thiện pháp luật TT liên quan đến vấn đề này. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Bản án số 06/2024/KDTM-PT ngày 11/1/2024 của Tòa án nhân dân TP. Hà Nội [trans: Judgment No. 06/2024/KDTM-PT dated January 11, 2024 of the People's Court of Hanoi City]
- [2] Quyết định số 1420/2019/QĐ- PQT của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh [trans: Decision No. 1420/2019/QĐ-PQT of the People's Court of Ho Chi Minh City]
- [3] Cass. 1ère civ., 17 novembre 2010, n° de pourvoi: 09-12.352, Bulletin 2010, I, n° 233 [trans: Court of Cassation, Civil Chamber 1, November 17, 2010, appeal n°: 09-12.352, Bulletin 2010, I, no. 233]
- [4] Cass. 1ère civ., 6 décembre 2005, n° de pourvoi : 03-13.116, Bull. civ. I, n° 462 [trans: Cour of Cassation, Civil Chamber 1, 6 dec. 2005, appeal n°: 03-13.116, Bull. civ. I, n° 462]
- [5] Cass. 2e civ., 29 janvier 1960, Bull. II, n° 80 [trans: Cour of Cassation, Civil Chamber 2, 29 janv.1960, Bull. II, n° 80]
- [6] Nigel Blackaby, Constantine Partasides QC and Alan Redfern, Martin Hunter, *Trọng tài quốc tế (bản dịch ra tiếng Việt)*, Nxb. Thanh niên, 2018 [trans: Nigel Blackaby, Constantine Partasides QC and Alan Redfern, Martin Hunter, *International arbitration (Vietnamese translation version)*, Thanh Nien Publishing House, 2018]
- [7] Ngô Quốc Chiến, Lê Thị Thu Hạnh, “Trách nhiệm của trọng tài viên dưới góc nhìn so sánh pháp luật và gợi ý cho Việt Nam”, trong Hội thảo quốc gia: *Hoàn thiện pháp luật về trọng tài thương mại đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển*, Đại học Đà Nẵng, tháng 9, 2024 [trans: Ngo Quoc Chien, Le Thi Thu Hanh, “The responsibilities of arbitrators: a comparative legal perspective and suggestions for Vietnam”, in the National Workshop: *Perfecting the law on commercial arbitration to meet the requirements of integration and development*, Danang University, Sept. 2024]
- [8] Th. Clay, *L'arbitre*, Dalloz, n° 935, 2001 [trans: Th. Clay, *Arbitrator*, Dalloz, n° 935, 2001]
- [9] Trần Việt Dũng, Ngô Quốc Chiến (đồng chủ biên), *Trọng tài thương mại quốc tế - Những vấn đề đương đại và thực tiễn Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2023 [trans: Tran Viet Dung, Ngo Quoc Chien (co - editor), *International Commercial Arbitration - Contemporary Issues and Vietnamese Practice*, Ho Chi Minh City National University Publishing House, 2023]
- [10] Đỗ Văn Đại, *Phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb. Hồng Đức, 2022 [trans: Do Van Dai, *Dispute resolution by arbitration in the context of international economic integration*, Hong Duc Publishing House, 2022]
- [11] Jérémy Jourdan-Marques, “Droit de l'arbitrage interne et international: panorama 2020”, *Dalloz Actualité*, 2021 [trans: “Domestic and international arbitration law: 2020 overview”, *Dalloz News*, 2021]